

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

**DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP NĂM HỌC 2025-2026
HỌC KỲ II**

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên HS được hỗ trợ chi phí học tập	Lớp	Con ông (bà)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Chi tiết đối tượng	Ký nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng				25	133.500.000		
A	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ			25	3.750.000		
1	Nguyễn Thị Thảo Nhi	10A3		5	750.000		
2	Mai Dáng Ngọc	10A6		5	750.000		
3	Nguyễn Thị Quỳnh Phúc	11A7		5	750.000		
4	Bùi Thị Hoài Thương	11A10		5	750.000		
5	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12A1		5	750.000		
B	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.			20	3.000.000		
1	Y-Huân Niê	10A5		5	750.000		
2	H San Đa Ayũn	10A6		5	750.000		
3	Kiều Xuân Hên	11A3		5	750.000		
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	12A7		5	750.000		
C	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III			845	126.750.000		
1	Đào Văn Giàu	10A1		5	750.000		
2	Lưu Thế Huy	10A1		5	750.000		
3	Trần Bình Minh	10A1		5	750.000		
4	La Thúy Quỳnh Ngân	10A1		5	750.000		
5	Dương Thị Như Quỳnh	10A1		5	750.000		
6	H' Cùn Byă	10A2		5	750.000		
7	Nguyễn Bá Hoàng	10A2		5	750.000		
8	Đỗ Nguyễn Cao Kiệt	10A2		5	750.000		
9	Lê Phi Líp	10A2		5	750.000		
10	H' Nê - Wơ Êñuôl	10A2		5	750.000		
11	Nguyễn Xuân Nhất	10A2		5	750.000		
12	Phạm Minh Thư	10A2		5	750.000		
13	H - Thiệp Êban	10A2		5	750.000		
14	Lê Đức Y Cương Êcăm	10A3		5	750.000		
15	Hoàng Thị Ngọc Hân	10A3		5	750.000		



16	Trần Đình Hợp	10A3		5	750.000		
17	Phạm Khắc Nghĩa	10A3		5	750.000		
18	Vũ Đình Toàn	10A3		5	750.000		
19	Phạm Thị Phương Uyên	10A3		5	750.000		
20	Lại Tiến Lộc	10A3		5	750.000		
21	Nguyễn Thị Yến Vy	10A3		5	750.000		
22	Đỗ Đức Thiên Vỹ	10A3		5	750.000		
23	Bùi Thị Cẩm Nhung	10A4		5	750.000		
24	Lâm Thị Ngọc Quỳnh	10A4		5	750.000		
25	Lê Hoàng Anh Thư	10A4		5	750.000		
26	Trần Ngọc Anh Thư	10A4		5	750.000		
27	Y - Đa Wit Adrông	10A5		5	750.000		
28	Y- Đê Găl Hđők	10A5		5	750.000		
29	Trần Thị Trường Giang	10A5		5	750.000		
30	Đỗ Thị Xuân Nhi	10A5		5	750.000		
31	Mai Thị Quỳnh Như	10A5		5	750.000		
32	Y- Triêk Bkrông	10A5		5	750.000		
33	H' Binh Nhi Hđők	10A6		5	750.000		
34	Y Junê Knul	10A6		5	750.000		
35	H' Khoan Bkrông	10A6		5	750.000		
36	H' Tuom Hđők	10A6		5	750.000		
37	Phạm Hoài Băng	11A1		5	750.000		
38	Tuân Anh Ênuôl	11A1		5	750.000		
39	Trần Tiến Thành	11A1		5	750.000		
40	Lưu Thị Bảo Trân	11A1		5	750.000		
41	Nguyễn Thị Uyên Trang	11A1		5	750.000		
42	Đỗ Tiến Đạt	11A2		5	750.000		
43	H' Trūk Knul	11A2		5	750.000		
44	Nguyễn Thùy Linh	11A2		5	750.000		
45	Trần Quang Minh	11A2		5	750.000		
46	Trần Thị Mỹ	11A2		5	750.000		
47	Văn Kim Hiếu Nhất	11A2		5	750.000		
48	Nguyễn Phan Thành Vỹ	11A2		5	750.000		
49	Trịnh Ngọc Thương	11A2		5	750.000		
50	Phan Thị Kỳ Duyên	11A3		5	750.000		
51	Phạm Bảo Gia Hưng	11A3		5	750.000		
52	Nguyễn Công Đăng Khoa	11A3		5	750.000		
53	Đoàn Thiên Nhi	11A3		5	750.000		
54	Trần Duy Phương	11A3		5	750.000		
55	H' Ria B'yă	11A3		5	750.000		
56	Đỗ Phạm Kiều Vy	11A3		5	750.000		
57	Trần Thị Bảo Yến	11A3		5	750.000		

58	Trần Văn Anh	11A4		5	750.000		
59	Đinh Công Chính	11A4		5	750.000		
60	H' Mrăng B yă	11A4		5	750.000		
61	Nguyễn Thế Quang	11A4		5	750.000		
62	Võ Thị Ngọc Trâm	11A4		5	750.000		
63	Văn Thị Nhã Trúc	11A4		5	750.000		
64	Ngô Gia Bảo	11A5		5	750.000		
65	H' Nia - Byă	11A5		5	750.000		
66	Cù Phạm Anh Thư	11A5		5	750.000		
67	Hồ Thị Thu Trúc	11A5		5	750.000		
68	Nguyễn Đức Anh Vũ	11A5		5	750.000		
69	Nguyễn Đình Gia Vỹ	11A5		5	750.000		
70	Hoàng Thị Hương	11A6		5	750.000		
71	Lâm Thị Trà My	11A6		5	750.000		
72	Lê Thị Phương	11A6		5	750.000		
73	Vương Thảo Vy	11A6		5	750.000		
74	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	11A7		5	750.000		
75	H - Lê Na Kmăn Byă	11A7		5	750.000		
76	Nguyễn Ngọc Giao Minh	11A7		5	750.000		
77	Lê Đình Phương	11A7		5	750.000		
78	Lê Thị Phục Quyên	11A7		5	750.000		
79	H - Sa Lan Êñuôl	11A7		5	750.000		
80	Nguyễn Thị Huyền Trang	11A7		5	750.000		
81	Y Han Hdrue	11A7		5	750.000		
82	Trần Thị Lan Anh	11A7		5	750.000		
83	Lây Văn Quỳnh	11A7		5	750.000		
84	Quan Thị Hồng Nhi	11A8		5	750.000		
85	Nông Anh Thảo	11A8		5	750.000		
86	Nguyễn Văn Bảo	11A8		5	750.000		
87	H' Be Ri Hđők	11A8		5	750.000		
88	H' Dươc Êñuôl	11A8		5	750.000		
89	H Ju Li Êban	11A8		5	750.000		
90	Y Kha Hmők	11A8		5	750.000		
91	H' Radil Hđők	11A8		5	750.000		
92	Lê Đức Cường	11A9		5	750.000		
93	H' Giñ Hmők	11A9		5	750.000		
94	H - Linh Dêa Êban	11A9		5	750.000		
95	H' Ngơ Bkrông	11A9		5	750.000		
96	Trần Đắc Vũ Thịnh	11A9		5	750.000		
97	H' Luôr Bkrông	11A10		5	750.000		
98	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11A10		5	750.000		
99	H Nim Êñuôl	11A10		5	750.000		

100	H' Yiem Bkrông	11A10		5	750.000		
101	H' Linh Đa Êcăm Niê	11A10		5	750.000		
102	H' Dấu Êban	11A11		5	750.000		
103	H' Ji Na Bkrông	11A11		5	750.000		
104	H' Nêp Êñuôl	11A11		5	750.000		
105	Lê Viết Thiện	11A11		5	750.000		
106	Y Quý Hmők	11A11		5	750.000		
107	Y - Khen Êñuôl	11A12		5	750.000		
108	Y Mikel Êñuôl	11A12		5	750.000		
109	Nguyễn Đức Tuấn	11A12		5	750.000		
110	H Duyên Hmők	11A12		5	750.000		
111	Nông Thị Thúy Liên	11A12		5	750.000		
112	Đặng Khánh Linh	12A1		5	750.000		
113	Đỗ Nguyễn Khánh Ngọc	12A1		5	750.000		
114	Lộ Đông Nhi	12A1		5	750.000		
115	Y Diệp Êñuôl	12A2		5	750.000		
116	Bùi Thị Thanh Huyền	12A2		5	750.000		
117	Trần Anh Khoa	12A2		5	750.000		
118	Y Luyên Hmők	12A2		5	750.000		
119	Lê Thị Mai	12A2		5	750.000		
120	Đinh Công Minh	12A2		5	750.000		
121	Hồ Bảo Nam	12A2		5	750.000		
122	Nguyễn Lê Trung Nguyên	12A2		5	750.000		
123	Trần Thị Trúc Quỳnh	12A2		5	750.000		
124	Đỗ Đình Thống	12A2		5	750.000		
125	Trần Anh Tuấn	12A2		5	750.000		
126	Lương Ngọc Mỹ Anh	12A3		5	750.000		
127	Phạm Văn Hải Đăng	12A3		5	750.000		
128	Đinh Xuân Đức	12A3		5	750.000		
129	Y Khim Êcăm	12A3		5	750.000		
130	Nguyễn Ngọc Hà Mi	12A3		5	750.000		
131	Phạm Thị Kiều Oanh	12A3		5	750.000		
132	H' Tha Ly Êcăm	12A3		5	750.000		
133	H' Xuân Linh Êcăm	12A3		5	750.000		
134	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12A4		5	750.000		
135	Nguyễn Huỳnh Bảo Linh	12A4		5	750.000		
136	Vũ Thị Ngân	12A4		5	750.000		
137	H' Rian Êban	12A4		5	750.000		
138	Vũ Hồng Sơn	12A4		5	750.000		
139	Y Thoal Buôn Yă	12A4		5	750.000		
140	H Trí Niê	12A4		5	750.000		
141	H' Biê Hđők	12A5		5	750.000		

142	Hoàng Xuân Ngọc	12A5		5	750.000		
143	H Trâm Êcăm	12A5		5	750.000		
144	Trần Thị Huyền Trân	12A5		5	750.000		
145	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	12A5		5	750.000		
146	Đỗ Thị Tâm	12A6		5	750.000		
147	H' Boăt Hđők	12A7		5	750.000		
148	Nguyễn Thị Thùy Giang	12A7		5	750.000		
149	Y Huim Êñuôl	12A7		5	750.000		
150	H' Huyền Êban	12A7		5	750.000		
151	H' Ôn Buôn Yă	12A7		5	750.000		
152	Y Quốc Niê Kdăm	12A7		5	750.000		
153	Phạm Thanh Tâm	12A7		5	750.000		
154	Tuyết Nhi - Buôn Yă	12A7		5	750.000		
155	Nguyễn Phạm Quang Vinh	12A7		5	750.000		
156	Y Yu - Let Êñuôl	12A7		5	750.000		
157	H' Đot - Hđők	12A7		5	750.000		
158	H' Rô Da Adrông	12A7		5	750.000		
159	Y- Suel Knul	12A7		5	750.000		
160	H' Ân Byă	12A8		5	750.000		
161	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12A8		5	750.000		
162	Hà Thanh Đạt Adrông	12A8		5	750.000		
163	Y - Kheri - Byă	12A8		5	750.000		
164	Bùi Thị Kim Ngân	12A8		5	750.000		
165	H Nhon Êban	12A8		5	750.000		
166	H' Oanh Êñuôl	12A8		5	750.000		
167	H Rê Juin A Drong	12A8		5	750.000		
168	Cao Minh Tú	12A8		5	750.000		
169	H' Wia Êban	12A8		5	750.000		

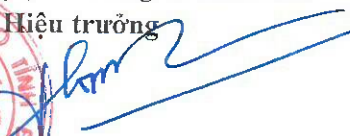
Kế toán


Văn Đức Hải

Krông An, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Hiệu trưởng




Vương Xuân Hồng